

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày: 24/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Lâm Thành Đ, sinh năm 1993; tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Th Nghĩa (đã chết) và bà Dương Thị Bé B; anh chị em ruột: Không có; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án (Ngày 24/10/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù xong vào ngày 28/02/2019; tiền sự: 03 tiền sự (Ngày 15/3/2019 và ngày 06/6/2019 bị Công an thị trấn T, huyện C xử phạt vi phạm hành chính cùng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 12/7/2019 bị Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C áp dụng biện pháp xử lý hành chính bằng hình thức “*Giáo dục tại xã, phường, thị trấn*”; nhân thân: Xấu; bị cáo bị tạm giam từ 12/12/2019 tại nhà tạm giữ Công an huyện Tiểu Cần cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lâm Thành Đ là: Ông **Phạm Thanh Ph**, là trợ

giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị hại:

1/ Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988 (vắng mặt);

2/ Chị **Tô Thị Trúc L**, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã Ph, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/ Anh **Thạch Ngọc Th**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

4/ Chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh **Nguyễn Tuấn V**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17 và ngày 18/9/2019 bị cáo và anh Nguyễn Tuấn V thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 17/9/2019 anh Nguyễn Tuấn V điều khiển xe mô tô, hiệu Nakasei, màu xanh, biển kiểm soát 36K9-3182 chở bị cáo Lâm Thành Đ từ hướng ấp C, xã L về hướng huyện Cầu K để đi nhà bạn chơi. Khi điều khiển trên Quốc lộ 54, đến đoạn đường thuộc Ấp E, xã Ph, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo phát hiện phía bên trái có một cơ sở nhôm sắt của Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp E, xã Ph, có cửa rào khép hờ, không có khóa, bên trong có để 01 (một) máy hàn điện tử, hiệu Hồng Ký, loại 180A, màu vàng nhưng không có ai trông giữ nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm và nói cho anh V biết thì anh V đồng ý lấy trộm. Sau đó, anh V điều khiển xe quay lại dừng cặp Quốc lộ 54, còn bị cáo trực tiếp vào bên trong cửa rào tháo bỏ lại hai sợi dây hàn, lấy trộm máy hàn điện tử và sợi dây nguồn. Sau khi lấy trộm được máy hàn, bị cáo ôm máy hàn để lên yên xe rồi anh V điều khiển xe chở bị cáo đến thành phố Trà Vinh, bán máy hàn cho người mua ve chai (không rõ địa chỉ và lai lịch cụ thể), được số tiền 400.000 đồng, bị cáo cất giữ và tiêu xài chung hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/9/2019, anh Nguyễn Tuấn V tiếp tục dùng xe mô tô trên chở bị cáo từ thị trấn T đi thành phố V chơi. Khi đi ngang cơ sở nhôm kiếng của Thạch Ngọc Th, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo phát hiện bên trong tiệm có mở cửa, mở đèn chiếu sáng, có để 01 (một) máy hàn điện tử, màu đỏ, hiệu Heli MMA200, đặt ở phía sau kệ tủ nhưng không có ai trông giữ nên bị cáo nói cho anh V biết và anh V đồng ý lấy trộm máy

hàn trên với bị cáo. Sau đó, anh V quay xe lại, dừng chờ bên ngoài, còn bị cáo trực tiếp đến kệ tủ tháo bỏ lại hai sợi dây hàn, lấy trộm máy hàn, có gắn sợi dây nguồn, bị cáo cầm để lên yên xe và anh V chở lên khu vực chợ thành phố Vbán cho người mua ve chai (không rõ địa chỉ và lai lịch cụ thể), được số tiền 300.000 đồng, anh V cất giữ số tiền và tiêu xài chung hết.

Tại bản kết luận số 16 và số 17 cùng ngày 15/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận: 01 (một) máy hàn điện tử, hiệu Heli MMA200, có giá trị còn lại thành tiền là 1.470.000 đồng và 01 (một) máy hàn điện tử, hiệu Hồng ký, loại 180A, có giá trị còn lại thành tiền là 1.400.000 đồng.

Khi phát hiện tài sản của mình bị mất trộm các bị hại đã trình báo cơ quan Công an. Sau khi tiếp nhận tin báo, cơ quan Công an tiến hành xác minh, mời bị cáo Lâm Thành Đ và anh Nguyễn Tuấn V làm việc. Qua làm việc, bị cáo và anh V thừa nhận do không có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Về vật chứng: Đối với 02 máy hàn điện tử, hiệu Heli MMA200 và hiệu Hồng ký, loại 180A bị cáo đã bán cho người khác, không rõ địa chỉ và lai lịch cụ thể, nên cơ quan Công an không thu giữ được để xử lý. Đối với 01 (một) xe mô tô, hiệu Nakasei, màu xanh, biển kiểm soát 36K9-3182 do Hoàng Đình T, ngụ Xóm A, thị trấn Th, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, đứng tên chủ sở hữu. Quá trình điều tra, cơ quan Công an không thu giữ được xe mô tô trên và đã ra quyết định ủy thác điều tra cho cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện huyện X tiến hành điều tra nhưng đến nay chưa có kết quả. Hiện tại anh V đã bỏ địa phương không mời làm việc được khi nào làm việc được sẽ xử lý vật chứng đối với 01 (một) xe mô tô, hiệu Nakasei, màu xanh, biển kiểm soát 36K9-3182 và xem xét xử lý trong vụ việc xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi trộm cắp tài sản của anh V.

Mặc dù hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo và anh V mỗi lần đều dưới 2.000.000 đồng là không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do đó, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo vào ngày 17 và ngày 18/9/2019, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với anh V cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự. Hiện tại anh V đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ nên Công an huyện Tiểu Cần chưa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh V được, Công an huyện Tiểu Cần đang tiếp tục tiến hành xác minh để xử phạt vi phạm hành chính đối anh V theo quy định của pháp luật sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh H và chị L không yêu cầu bồi thường, nên không đặt ra xem xét. Bị hại anh Th và chị L yêu cầu bị cáo và anh V bồi thường số tiền là 1.470.000 đồng, bị cáo tự nguyện cá nhân bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền là 1.470.000 đồng cho anh Th và chị L.

Tại cáo trạng số: 08/CT-VKS-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Lâm Thành Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Lâm Thành Đ.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lâm Thành Đ từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh H và chị L không yêu cầu bồi thường, nên đề nghị không đặt ra xem xét. Bị hại anh Th và chị L yêu cầu bị cáo và anh V bồi thường số tiền là 1.470.000 đồng, bị cáo tự nguyện cá nhân bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền là 1.470.000 đồng cho anh Th và chị L, nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Buộc bị cáo nộp lại số tiền là 400.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lâm Thành Đ phát biểu ý kiến: Thống nhất với cáo trạng và quan điểm luận tội của kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Người bào chữa không biện minh cho hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo mà phân tích cho Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo và anh V không có sự bàn bạc trước khi phạm tội mà chỉ nảy sinh ý định nhất thời trong quá trình đi chơi thấy tài sản sơ hở mới trộm cắp. Trong suốt quá trình tham gia tố tụng bị cáo đã thật thà khai báo, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động

nghèo, giá trị tài sản không lớn, cha bị cáo mất sớm hoàn cảnh gia đình khó khăn nên nghỉ học sớm thiếu sự giáo dục của gia đình và nhà trường nên ảnh hưởng sự hình thành nhân cách của bị cáo. Hiện tại mẹ bị cáo đã lớn tuổi sống một mình hàng ngày bán vé số kiếm sống. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất để bị cáo sớm về với gia đình để nuôi mẹ già lớn tuổi.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hình vi của mình là sai trái và vi phạm pháp luật bị cáo rất hối hận, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về với gia đình để lo cho mẹ già thường xuyên đau bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hội đồng xét xử đã thẩm tra về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên bị cáo thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng trong quá trình điều tra và truy tố Điều tra viên và Kiểm sát viên xác định bị cáo không thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí là vi phạm thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo nhưng bị cáo không có khiếu nại về hành vi này và Tòa án đã đảm bảo quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí của bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Do đó hành vi này là không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Điều tra viên và Kiểm sát viên chỉ cần rút kinh nghiệm cho những vụ án khác. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với những lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa như: Biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 17 và ngày 18/9/2019 bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của các bị hại gồm: 01 máy hàn điện tử, màu vàng, hiệu Hồng Ký, loại 180A, tại Ấp E, xã Ph, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có giá trị

là 1.400.000 đồng và 01 máy hàn điện tử, màu đỏ, hiệu Heli MMA200 tại Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh có giá trị 1.470.000 đồng.

Mặc dù hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo mỗi lần đều dưới 2.000.000 đồng là không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên do bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi đã thành niên, đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:”*

“b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

Cho nên Cáo trạng số 08/CT-VKS-HS ngày 21/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai cùng anh Nguyễn Tuấn V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại. Mặc dù hành vi trộm cắp tài sản của anh V không đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*” và hiện nay anh V đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ nên Công an huyện Tiểu Cần chưa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh V nên đề nghị Công an huyện Tiểu Cần tiếp tục tiến hành xác minh để xử phạt vi phạm hành chính đối anh V và xử lý vật chứng đối với 01 (một) xe mô tô, hiệu Nakasei, màu xanh, biển kiểm soát 36K9-3182 theo quy định của pháp luật. Mặc dù hành vi này chưa đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự nhưng hành vi này là vi phạm pháp luật, nên Hội đồng xét xử nghiêm khắc phê phán anh V.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân, hưởng lợi ích bất hợp pháp. Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ sức khỏe, đáng lẽ ra bị cáo phải tự tìm cho mình một việc làm thích hợp nhằm tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/02/2019, trong thời gian chấp hành án bị cáo đã được giáo dục nên bị cáo biết

hành vi của mình vi phạm pháp luật, đáng lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để sửa đổi sai lầm, tránh xa con đường vi phạm pháp luật nhưng ngược lại bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động cực nhọc, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy nhiều năm sau khi chấp hành án xong không những không từ bỏ con đường nghiện ngập mà bị cáo lại tiếp tục sử dụng ma túy liên tục và bị cáo lao vào con đường phạm tội, bất chấp pháp luật, thể hiện bị cáo xem thường pháp luật. Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ra tâm lý hoang mang trong quần chúng Nhân dân lo sợ việc tài sản bị trộm cắp làm cho quần chúng Nhân dân không an tâm lao động, sản xuất tạo nên sự bất ổn trong xã hội. Qua vụ án này cũng đề nghị mọi người cần đề cao cảnh giác, quản lý tài sản chặt chẽ hơn để tránh tài sản bị trộm cắp. Hiện nay địa bàn huyện Tiểu Cần tình hình trộm cắp tài sản có chiều hướng ngày một gia tăng về số lượng và có tính chất rất phức tạp. Để ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần thiết phải thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài thì mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm mới phát sinh.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách hình sự; bị cáo có 01 tiền án; bị cáo có 03 tiền sự, là ngày 15/3/2019 và ngày 06/6/2019 bị Công an thị trấn T, huyện C xử phạt vi phạm hành chính cùng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 12/7/2019 bị Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C áp dụng biện pháp xử lý hành chính bằng hình thức “*Giáo dục tại xã, phường, thị trấn*” về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đến ngày 24/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh dụng biện pháp xử lý hành chính “*Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*” với thời hạn 18 tháng và hiện bị cáo đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, xuất thân từ thành phần Nhân dân lao động nghèo, trình độ học vấn thấp, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Đối với hai (02) máy hàn điện tử, hiệu Heli MMA200 và hiệu Hồng ký, loại 180A bị cáo đã bán cho người khác, không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc bị cáo nộp lại số tiền là 400.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh H và chị L không yêu cầu bồi thường, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bị hại anh Th và chị L yêu cầu bị cáo bồi

thường số tiền là 1.470.000 đồng, bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ cho anh Th và chị L, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị xử lý đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[09] Ý kiến của vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Thành Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lâm Thành Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/12/2019.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Buộc bị cáo nộp lại số tiền là 400.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ghi nhận sự nguyện của bị cáo đồng ý cá nhân bị cáo bồi thường cho anh Thạch Ngọc Th và chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền là 1.470.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị hại anh H và chị L không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lâm Thành Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan THAHS Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã Ph;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân